

Số: /TB-SKHCCN

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 9 năm 2020

## THÔNG BÁO

### Về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021

Triển khai Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2021, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh năm 2021, với các nội dung sau:

#### I/ Danh mục nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn:

##### 1. Đề tài: *Xây dựng mô hình phát triển du lịch cộng đồng dựa vào hệ sinh thái đất ngập nước ở Khu kinh tế Dung Quất và vùng phụ cận*

- Mục tiêu: Khai thác phát huy giá trị Hệ sinh thái đất ngập nước (HSTĐNN) tại KKT Dung Quất và vùng phụ cận phục vụ hoạt động du lịch, tạo sinh kế người dân, tạo thu nhập cho doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và cân bằng môi trường sinh thái trên địa bàn tỉnh.

- Sản phẩm chính: Báo cáo đánh giá thực trạng, giá trị HSTĐNN KKT Dung Quất và vùng phụ cận; Bộ CSDL tổng hợp, số hóa HSTĐNN đặc trưng trong KKT Dung Quất và vùng phụ cận; Giải pháp bảo tồn, quản lý, khai thác, HSTĐNN trong KKT Dung Quất và vùng phụ cận; 02 bản đồ quy hoạch tuyến điểm du lịch; Xây dựng và vận hành có hiệu quả ít nhất 02 mô hình du lịch gắn với cộng đồng; Đào tạo quản lý; tập huấn kinh doanh du lịch cộng đồng cho 60 người; 02 hội thảo khoa học; 02 bài báo khoa học; Phim tư liệu; Bộ ấn phẩm phục vụ du lịch; Báo cáo tổng kết đề tài.

##### 2. Đề tài: *Thực nghiệm mô hình trồng, chế biến, tiêu thụ cây dược liệu ngũ vị tử (Schisandra sphenanthera Rehder et Wills. Schisandraceae) theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi.*

- Mục tiêu: Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, chất lượng và hiệu quả của cây ngũ vị tử làm cơ sở cho việc sản xuất hàng hóa, phục vụ phát triển kinh tế cho các huyện miền núi của tỉnh; Hình thành được mô hình liên kết bền vững trong việc trồng, sơ chế biến và tiêu thụ sản phẩm ngũ vị tử trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi.

- Sản phẩm chính: Báo cáo điều tra, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng và hiệu quả của cây ngũ vị tử ở Quảng Ngãi; Mô hình sản xuất giống ngũ vị tử từ hạt diện tích 500m<sup>2</sup>; Mô hình trồng ngũ vị tử dưới tán: 1ha; Mô hình trồng Ngũ vị tử thâm canh: 1ha, tỷ lệ cây sống trên 90%; Có ít nhất 01 sản phẩm được sơ chế từ mô hình thử nghiệm; Báo cáo kết quả xây dựng mô hình liên kết trồng, chăm sóc, thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm ngũ vị tử

ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi; Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản dược liệu ngũ vị tử phù hợp với điều kiện khu vực miền núi của tỉnh Quảng Ngãi; Đào tạo 12 KTV; tập huấn kỹ thuật 50 lượt người dân; 02 bài báo khoa học; Phim tư liệu; Báo cáo tổng kết đề tài.

**3. Đề tài: *Thực nghiệm mô hình trồng, chế biến và tiêu thụ cây dược liệu đương quy (Angelica acutiloba Kit.) theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi***

- Mục tiêu: Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, chất lượng, năng suất và hiệu quả của cây đương quy làm cơ sở cho việc sản xuất hàng hóa, phục vụ phát triển kinh tế cho các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi; hình thành được mô hình liên kết bền vững trong việc trồng, sơ chế biến và tiêu thụ sản phẩm dược liệu đương quy.

- Sản phẩm chính: Báo cáo đánh giá quá trình sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng sản phẩm của cây đương quy ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi; Hướng dẫn kỹ thuật ươm giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản sản phẩm từ cây đương quy; Mô hình sản xuất giống đương quy diện tích 500m<sup>2</sup> (400.000 cây giống đương quy/ha); Mô hình sản xuất cây dược liệu đương quy với diện tích 3 ha/3 huyện (01 ha trồng từ hạt và 02 ha trồng cây giống) trồng trong vườn nhà, có tỷ lệ sống  $\geq 90\%$ ; Năng suất: 12 tấn tươi/ha (5 tấn khô/ha), sản lượng 36 tấn tươi/15 tấn khô; Mô hình liên kết sản xuất, sơ chế biến, tiêu thụ sản phẩm đương quy; Xưởng sơ chế và đóng gói sản phẩm đương quy diện tích 200m<sup>2</sup>; Thiết bị: máy rửa, máy sấy và máy hút chân không (mua mới 100%); Có từ 02 sản phẩm dược sơ chế biến từ cây đương quy ở mô hình thử nghiệm; 01 hội thảo đánh giá kết quả mô hình liên kết sản xuất; Đào tạo 12 KTV và tập huấn kỹ thuật cho 100 nông dân; 02 bài báo khoa học; Phim tư liệu; Báo cáo tổng kết đề tài.

**4. Đề tài: *Khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp, mô hình can thiệp sớm bệnh động mạch vành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi***

- Mục tiêu: Đánh giá được thực trạng về bệnh động mạch vành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; đề xuất được các giải pháp can thiệp sớm; xây dựng và vận hành được mô hình can thiệp sớm nhằm hỗ trợ điều trị kịp thời bệnh động mạch vành cho người có yếu tố nguy cơ cao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Sản phẩm chính: Báo cáo đánh giá thực trạng người mắc bệnh động mạch vành trên địa bàn tỉnh; Mô hình can thiệp sớm bệnh động mạch vành; Báo cáo giải pháp can thiệp, phòng ngừa, phát hiện sớm về bệnh động mạch vành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Bản kiến nghị đối với các cấp chính quyền và ngành y tế của tỉnh; Giải pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cộng đồng; Tổ chức hội thảo đánh giá kết quả sàng lọc, điều trị bệnh động mạch vành; Đào tạo 13 KTV cơ sở và tập huấn kỹ thuật cho 26 y bác sĩ tuyến Y tế cơ sở; Bài báo khoa học được công bố trên tạp chí chuyên ngành; Báo cáo tổng kết đề tài.

**5. Dự án: *Ứng dụng đồng bộ các giải pháp khoa học công nghệ phục vụ canh tác, chế biến và tiêu thụ ớt hàng hóa theo chuỗi giá trị tại huyện Bình Sơn và vùng phụ cận***

- Mục tiêu: Hình thành mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm góp phần nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đất canh tác, tăng thu nhập của người dân và xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Quảng Ngãi.

- Sản phẩm chính: Quy trình sản xuất ớt cay được thông qua hội đồng cấp cơ sở; Mô hình sản xuất ớt đạt tiêu chuẩn TCVN 2080:2007, quy mô 100 ha, năng suất đạt 18-20 tấn/ha, sản lượng 2.000 tấn ớt tươi; Hướng dẫn kỹ thuật canh tác ớt cay (dạng tờ bướm); Mô hình liên kết chế biến và tiêu thụ ớt cay sấy khô quy mô 3 tấn/mẻ, công suất 9 tấn/ngày đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; 460 tấn ớt sấy khô đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Xưởng chế biến diện tích 200m<sup>2</sup>; công suất 9 tấn/ngày; Đào tạo 12 kỹ thuật viên, tập huấn 300 nông dân; Phim tư liệu; Báo cáo tổng kết dự án.

#### ***6. Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ khai thác, phát triển sản phẩm măng vót theo chuỗi giá trị ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi***

- Mục tiêu: Nhằm cải tạo, bảo vệ, khai thác hợp lý sản phẩm măng vót tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân góp phần phát triển kinh tế xã hội các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi

- Sản phẩm chính: Báo cáo mô tả đặc điểm nông sinh học và hiện trạng măng vót tự nhiên trên địa bàn tỉnh; Báo cáo khảo sát thực trạng sản xuất, khai thác chế biến măng vót; Báo cáo giải pháp cải tạo thâm canh, khai thác, phát triển bền vững măng vót; Hướng dẫn kỹ thuật canh tác, khai thác bền vững và chế biến sản phẩm măng vót; Mô hình cải tạo thâm canh 10 ha măng vót tại huyện Sơn Tây; Mô hình liên kết sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm măng vót đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; Nhà xưởng sơ chế 300m<sup>2</sup>, thiết bị mới 100%, công suất 5 tấn/ngày; Nhãn hiệu được bảo hộ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm măng vót; Đào tạo 15 kỹ thuật viên, tập huấn 150 lượt nông dân về kỹ thuật canh tác, thu hoạch, chế biến và bảo quản sản phẩm măng vót; Báo cáo tổng kết dự án.

#### ***7. Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sể theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi***

- Mục tiêu: Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển vùng nguyên liệu gừng sể bản địa phục vụ chế biến sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng góp phần tạo sinh kế, tăng thu nhập cho bà con nông dân tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi.

- Sản phẩm chính: Báo cáo đánh giá thực trạng sản xuất, chế biến, tiêu thụ gừng sể bản địa tại Quảng Ngãi; Báo cáo mô tả đặc trưng hình thái, sinh lý, dược lý, định danh loài gừng sể bản địa và đánh giá giá trị dược liệu; Hướng dẫn kỹ thuật canh tác gừng sể bản địa, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, dược liệu; 02 mô hình sản xuất gừng sể bản địa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm với quy mô 10 ha, năng suất đạt 1,2-1,4 tấn/ha, sản lượng 14 tấn gừng tươi; Hướng dẫn kỹ thuật sơ chế sản phẩm gừng dạng bột; Mô hình sơ chế gừng dạng bột quy mô 100 kg/ngày; 930 kg bột gừng khô; Nhà xưởng sơ chế 1.100m<sup>2</sup>, thiết

bị mới 100%, công suất 100 kg/ngày; Mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm 14 tấn gừng tươi tương đương 930 kg bột gừng khô; Nhân hiệu được bảo hộ, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm gừng sê bản địa; Đào tạo 20 KTV cơ sở, tập huấn cho 300 lượt nông dân và 2 hội nghị đầu bờ; 01 bài báo; Phim tư liệu; Báo cáo tổng kết dự án.

**8. Đề tài: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình thực hành nông nghiệp tốt trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao để nâng cao nhận thức và năng lực canh tác của người dân tại tỉnh Quảng Ngãi**

- Mục tiêu: Nâng cao được nhận thức và năng lực của người dân trong sản xuất và sử dụng sản phẩm an toàn. Xây dựng được một số mô hình thực hành nông nghiệp tốt trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao (ớt, lạc và dưa hấu) để làm điểm tham quan học tập và chuyên giao khoa học công nghệ, nhân rộng ra các địa phương khác trong tỉnh Quảng Ngãi.

- Sản phẩm chính: 03 quy trình kỹ thuật sản xuất, sơ chế biến, bảo quản ớt, lạc, dưa hấu theo tiêu chuẩn VietGAP; Mô hình sản xuất ớt, lạc và dưa hấu thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP; Mô hình Ớt: Quy mô: 0,5 ha; Năng suất đạt 15 tấn/ha, Lạc: Quy mô: 0,5 ha; Năng suất đạt 3 tấn/ha, Dưa hấu: Quy mô: 0,5 ha; Năng suất đạt 25 tấn/ha; 03 hồ sơ chứng nhận VietGAP cho các đơn vị sản xuất ớt, lạc, dưa hấu; Tập huấn VietGAP cho 15 kỹ thuật viên và 350 nông dân; 01 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí chuyên ngành; 01 phóng sự trên truyền hình (20 phút); 1.000 tờ rơi về hướng dẫn kỹ thuật sản xuất ớt, lạc và dưa hấu theo tiêu chuẩn VietGAP; Phim tư liệu; 03 hội nghị, hội thảo và Báo cáo tổng kết đề tài.

**9. Dự án: Ứng dụng KHCN phục vụ nuôi chế biến cá thát lát theo chuỗi giá trị tại các hồ đập lớn ở tỉnh Quảng Ngãi.**

- Mục tiêu: Ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ nuôi, chế biến cá thát lát theo chuỗi giá trị trên cơ sở khai thác và sử dụng hiệu quả diện tích mặt nước tại các hồ đập lớn ở tỉnh Quảng Ngãi nhằm tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân và bảo vệ môi trường sinh thái khu vực lòng hồ .

- Sản phẩm chính: Mô hình nuôi cá thát lát thương phẩm tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh: Quy mô 2 bè (mỗi bè gồm 10 lồng, mỗi lồng có kích thước DxRxH= 5m x 5m x4m); Số lượng thả nuôi khoảng 60.000 con/năm; Tỷ lệ sống đạt 80%; Khối lượng cá thương phẩm đạt từ 0,5kg/con; Tổng sản lượng cá thát lát tươi thu hoạch trên 24 tấn; Dây chuyền chế biến cá thát lát từ 02 sản phẩm hoàn chỉnh trở lên, sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đủ điều kiện lưu thông trên thị trường và được thương mại hóa; Hình thành 01 Hợp tác xã nuôi cá thát lát; Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho cá thát lát; Các báo cáo khoa học: Báo cáo điều tra khảo sát; Báo cáo đánh giá kết quả mô hình nuôi và mô hình chế biến, hiệu quả kinh tế- xã hội của từng mô hình; Tài liệu Hướng dẫn kỹ thuật nuôi cá thát lát phù hợp với điều kiện các hồ đập lớn tại Quảng Ngãi; Tài liệu quy trình kỹ thuật chế biến cá thát lát (ít nhất 02 sản phẩm); Sản phẩm đào tạo và tập huấn; Báo cáo tổng kết.

**10. Đề tài: Ứng dụng KHCN thực nghiệm mô hình nuôi kết hợp tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931) với sá sùng (*Sipunculus nudus* Linnaeus, 1766) tại Quảng Ngãi.**

- Mục tiêu: Ứng dụng KHCN thực nghiệm mô hình nuôi kết hợp tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931) với sá sùng (*Sipunculus nudus* Linnaeus, 1766) nhằm phát triển nghề nuôi tôm thẻ chân trắng một cách hiệu quả và bền vững, góp phần tạo sinh kế, tạo đối tượng nuôi mới có giá trị, tăng thu nhập so với nuôi đơn khoảng 20% cho người dân ven biển tỉnh Quảng Ngãi.

- Sản phẩm chính: Mô hình nuôi kết hợp tôm thẻ chân trắng với sá sùng với quy mô: 01ha/vụ, thực hiện 02 vụ nuôi tại 02 huyện ven biển của tỉnh; Tôm thẻ chân trắng: Năng suất thu hoạch: trên 8 tấn/ha; Tổng sản lượng: trên 16 tấn; Tỷ lệ sống: trên 70%; Sá sùng: Năng suất thu hoạch: 1-1,2 tấn/ha; Tổng sản lượng: từ 2-2,4 tấn; Tỷ lệ sống: trên 60%; Tài liệu kỹ thuật nuôi kết hợp tôm thẻ chân trắng với sá sùng tại các vùng ven biển Quảng Ngãi; Sản phẩm đào tạo, tập huấn; Các báo cáo chuyên đề khoa học, báo cáo xây dựng mô hình, đánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội; Bài báo khoa học; Báo cáo tổng kết đề tài.

**11. Dự án: Ứng dụng KHCN sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh từ nguồn nguyên liệu ở địa phương để phát triển chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Quảng Ngãi.**

- Mục tiêu: Sử dụng các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương để sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (FTMR và TMR) cho bò thịt nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt, chủ động nguồn thức ăn quanh năm, giảm chi phí thức ăn cho chăn nuôi bò thịt thâm canh và thúc đẩy phát triển chăn nuôi thành nghề sản xuất chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Sản phẩm chính: Quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho bò thịt từ các nguồn nguyên liệu sẵn có tại Quảng Ngãi (tối thiểu 03 loại sản phẩm thức ăn); 01 dây chuyền sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho bò thịt với công suất tối thiểu 5 tấn/ngày đêm, thiết kế đơn giản, gọn nhẹ và có khả năng nhân rộng ở những trang trại tương tự. Mô hình chăn nuôi bò thịt thâm canh có hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường bằng việc sử dụng các loại thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh với quy mô trang trại; Ít nhất có 3 loại sản phẩm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho bò thịt có thể thương mại hóa, với tổng sản lượng tối thiểu 1000 tấn hàng hóa trong kỳ dự án; Các báo cáo khoa học về: (1) Phân tích tiềm năng và thành phần dinh dưỡng của các nguồn nguyên liệu sẵn có tại Quảng Ngãi và 09 công thức sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (03 công thức cho 01 nhóm bò) phù hợp với khả năng cung ứng nguyên liệu tại địa phương và nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng bò; (2) Giá trị dinh dưỡng và công nghệ sản xuất các loại thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho bò thịt; (3) Hiệu quả mô hình chăn nuôi bò thịt sử dụng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh so với nuôi riêng lẻ về các chỉ tiêu sinh học, kinh tế, xã hội; Các tài liệu quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho bò thịt từ các nguồn nguyên liệu sẵn có tại Quảng Ngãi; Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật sử dụng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh trong chăn nuôi bò thịt thâm canh; Bài báo khoa học; Sản phẩm đào tạo, tập huấn; Báo cáo tổng kết.

**12. Đề tài: Ứng dụng đồng bộ các giải pháp khoa học công nghệ phát triển sản phẩm chè Trà Nham theo chuỗi giá trị.**

- Mục tiêu: Khai thác tiềm năng lợi thế, phát triển sản phẩm chè Trà Nham theo chuỗi giá trị để đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập, ổn định và cải thiện đời sống cho bà con vùng cao.

- Sản phẩm: Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng canh tác, chế biến, tiêu thụ và khả năng phát triển sản phẩm của vùng chè Trà Nham; Các quy trình, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất (kỹ thuật canh tác chè sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm; kỹ thuật chế biến chè búp, kỹ thuật chiết xuất tinh chất chè; kỹ thuật chế biến bột matcha); Mô hình sản xuất giống (800-1.000m<sup>2</sup>); Mô hình cải tạo vườn chè nguyên liệu 20 ha, trồng mới 5 ha chè bản địa Trà Nham; Chè búp 1.000 kg, tinh chất chè 100 kg, bột matcha 50 kg; Đào tạo 10 kỹ thuật viên, tập huấn 100 hộ nông dân; Tổ chức 2 hội nghị, 2 hội thảo, 1 lượt trưng bày sản phẩm tại Hội chợ, 01 lượt tham quan; Bài báo khoa học; Phim tư liệu; Báo cáo tổng kết đề tài.

**II/ Hồ sơ và thời gian tuyển chọn:**

**1. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn:** theo mẫu quy định đăng trên Website <https://skh.quangngai.gov.vn/> gồm:

(1) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN (nếu có); (2) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án; (3) Thuyết minh đề tài, dự án; (4) Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì; (5) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký tham gia; (6) Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (nếu có thuê chuyên gia); (7) Văn bản xác nhận đồng ý của tổ chức phối hợp thực hiện (nếu có); (8) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê (không quá 30 ngày đến thời điểm nộp hồ sơ); (9) Báo cáo tài chính 02 đến 03 năm gần nhất của tổ chức chủ trì; (10) Tài liệu liên quan khác (nếu có).

- **Dự toán kinh phí** thực hiện theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- **Số lượng hồ sơ: 15 bộ** (01 bản chính và 14 bản sao) và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF, không đặt mật khẩu). Toàn bộ hồ sơ được đóng gói, có niêm phong và bên ngoài ghi rõ: **Hồ sơ tham gia tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN tỉnh Quảng Ngãi năm 2021**; (1) Tên nhiệm vụ KH&CN dự tuyển; (2) Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì, tên chủ nhiệm nhiệm vụ; (3) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

Hồ sơ được xem là hợp lệ phải có đầy đủ các thành phần hồ sơ theo quy định; phải nộp đúng thời hạn và các biểu mẫu phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về thể thức và nội dung. Các hồ sơ không hợp lệ sẽ không được tuyển chọn và không gửi trả lại.

Mọi thông tin cần thiết xin liên hệ: Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi (Điện thoại số 0255. 38556005).

**2. Thời gian nhận hồ sơ:** kể từ ngày ra Thông báo đến **17 giờ 00 ngày 01/12/2020.**

- **Nơi nhận hồ sơ:** Quầy Sở Khoa học và Công nghệ thuộc Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ngãi (Số 54 Hùng Vương, TP.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo Sở;
- Báo Quảng Ngãi;
- Báo Khoa học & Phát triển;
- Văn phòng Sở (*đăng thông báo*);
- Phòng KH-TC;
- Trung tâm UD và DV KHCN (*thông báo trên Web thành phần*);
- Lưu: VT, QLKH.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Thành**